TAND HUYỆN CƯ JÚT **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DSST
Ngày 15/10/2021
V/v *"Tranh chấp lối đi chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lộc Thị Vinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Thuận.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/10/2021 tại Phòng xử án Dân sự Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 142/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc *"Tranh chấp lối đi chung"*theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-DS, ngày 15/3/2021; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 86/2021/QĐST-DS ngày 03/6/2021; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 106/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021 và Thông báo v/v mở lại phiên tòa số 126/2021/TB-TA ngày 30/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nông Văn T, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông;
Người đại diện diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn G, sinh năm: 1964
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;
- *Bị đơn:* Ông Vi Văn N, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm: 1974
2. Chị Nông Thị H, sinh năm: 1994;
3. Anh Nông Văn Tr, sinh năm: 1997;
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông;
Người đại diện diện theo ủy quyền cho bà X, chị H, anh Tr: Ông Nông Văn T; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;
3. Bà Nông Thị S, sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;
5. Anh Vi Văn L, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt;
6. Chị Vi Thị Kim, sinh năm: 1990
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt
- *Người làm chứng:*
1. Ông Vi Văn Ki, sinh năm: 1963 (Tên gọi khác: Vi Chung K)
Địa chỉ: Thôn J, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt
2. Bà Lâm Thị A, sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt
3. Ông Vi Văn M, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Văn T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Văn G trình bày:

Cuối năm 1996 đầu 1997 ông T cùng với ông Vi Văn K (Vi Chung K), Vi Văn N mua chung lô đất của ông Y Tiên Y với diện tích 11.000 m^2 ở thôn B, xã Đ, huyện C; theo đó: ông K mua phần ngoài đất với diện tích 03 sào; ông N mua đất khúc ở giữa với diện tích 05 sào còn ông T mua phía trong cùng 03 sào, giá mỗi sào đất là 2.500.000 đồng. Việc mua bán tự nguyện, các bên đều sử dụng, canh tác trên đất, không có tranh chấp gì. Gia đình ông T có làm nhà gỗ trên đất và đi trên lối đi chung rộng khoảng 02 mét, đi từ đất nhà ông Vi Văn K đến đất của ông T. Đến cuối năm 1997 đất đã được đo đạc cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho từng hộ, gia đình ông T được cấp CNQSDĐ số M806007 ngày 10/9/1998, thửa đất 159, tờ bản đồ 16 với diện tích 3.260 m^2, trong giấy CNQSDĐ thể hiện rõ lối đi rộng khoảng 02 mét. Đến năm 2000, gia đình ông T chuyển đến thôn A, xã Đ để làm ăn sinh sống và sử dụng thửa đất số 159 vào mục đích nông nghiệp, ông N đã làm vườn rau và rào chắn lối đi, sau đó thì làm sân phơi, công trình nhà vệ sinh trên lối đi. Vì nhận thức hạn chế nên ông T đi nhờ bên đất của ông Vi Văn C đến rẫy của mình. Đến năm 2019 do đất ông Vi Văn C (ông C đã chết năm 2014) mà vợ là bà Lâm Thị A không cho ông T đi nhờ vào rẫy nữa, nên ông T không có lối đi nào vào rẫy; khi coi lại GCNQSDĐ có thể hiện lối đi chung nên ông T đã yêu cầu ông N mở lối đi, ông N không đồng ý. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Vi Văn N dỡ bỏ toàn bộ công trình, cây cối trên đất, trả lối đi chung có diện tích khoảng 100 m^2 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Đến thời điểm có kết quả đo đạc, xem xét thẩm định thì ông T yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả lại diện tích 105,6 m^2 lối đi chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Vi Văn N trình bày: Nguồn gốc đất có được là vào tháng 01 năm 1997 ông N cùng với ông Vi Chung K và ông Nông Văn T mua của ông Y Tiên Y: ông K mua phần ngoài đất với diện tích 03 sào; ông N ở giữa với diện tích 05 sào còn ông T mua phía trong cùng 03 sào, giá mỗi sào đất là 2.500.000 đồng, khi mua các bên có lập giấy

chuyển nhượng viết tay với nhau, thời điểm mua thì đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ, cũng chưa đo đạc gì, các bên không có thỏa thuận gì về lối đi chung, các bên đều sử dụng đất đúng ranh giới, không có tranh chấp gì. Gia đình ông có về canh tác, sử dụng đất từ đó đến nay. Thực tế gia đình ông và ông T vẫn đang đi nhờ lối đi của ông Vi Văn K, lối đi này xuyên suốt đến đất nhà ông T. Đến năm 2000 ông N có chắn phần đất của mình và mở lối đi nhỏ ở giữa đất, phía sau nhà của ông cho ông T và ông T vẫn đi trên lối đi này, tuy nhiên đến năm 2014 ông T không đi nữa, mà đi bằng lối đi khác, đi nhờ đất ông Vi Văn C đến rẫy nhà ông T. Đến cuối năm 2019 bỗng dưng thấy ông T làm đơn yêu cầu UBND xã Đ giải quyết và khởi kiện gia đình ông thì thấy rất vô lý. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì gia đình ông vẫn đang sử dụng đúng diện tích, ranh giới đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X trình bày: Sau khi mua đất xong (năm 1997) thì giữa ông N, ông T và ông K đã thỏa thuận lối đi chung rộng khoảng 02 mét, đi từ đất nhà ông Vi Văn K đến đất của gia đình bà. Đến cuối năm 1997 đất đã được đo đạc và được cấp giấy CNQSDĐ cho từng hộ, gia đình bà được cấp CNQSDĐ với diện tích 3.260 m2, trong giấy CNQSDĐ có thể hiện rõ lối đi rộng khoảng 02 mét. Quá trình sử dụng đất do có mâu thuẫn với gia đình ông N nên gia đình bà đi nhờ bên đất của ông Vi Văn C đến rẫy của gia đình bà. Sau đó đến năm 2000 ông N rào chắn lối đi. Đến nay bà A không cho đi nhờ nữa và gia đình bà không có lối đi nào vào rẫy nên gia đình bà mới khởi kiện buộc gia đình ông N trả lối đi chung, tại phiên tòa bà X cũng yêu cầu theo kết quả đo đạc: yêu cầu ông N phải tháo bỏ rào chắn, trả laij lối đi chung có chiều rộng là 2,4 mét, dài 44 mét, tổng diện tíc 105,6 m^2, tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S trình bày: Bà đồng ý với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Vi Văn N, thời điểm gia đình bà mua đất của ông Y Tiên Y thì không có lối đi gì hết, thực tế gia đình bà vẫn đang đi nhờ đất của ông Vi Văn K (nay là ông Vi Văn M) và bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì gia đình bà vẫn đang sử dụng đúng diện tích, ranh giới đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị K và anh Vi Văn L trình bày: thời điểm gia đình mua đất của ông của ông Y Tiên Y thì khi đó còn nhỏ và không biết gì hết. Chỉ thấy việc ông T làm đơn khởi kiện gia đình anh chị là vô lý, vì gia đình anh chị vẫn đang sử dụng đúng diện tích, ranh giới đất; không có sự việc ông T nói với bố mẹ anh L, chị K về việc mở con đường đi này.

Người làm chứng ông Vi Văn K trình bày: Ông K nhận chuyển nhượng thửa đất trên vào cuối năm 1997 của ông Y Tiên Y; giá tiền mua là 2,5 triệu/ sào; ông K mua 03 sào; ông N mua 05 sào; ông T mua 03 sào. Năm 1998 ông K được cấp GCNQSDĐ khoảng 4,8 sào (4800 m^2) (do có mua thêm hơn 01 sào của ông Vi Văn U năm 1996). Tại thời điểm nhận chuyển nhượng cả 03 người không thỏa thuận lối đi chung, chỉ tự mở một lối đi nhờ qua đất của nhau để làm nông nghiệp chứ không phải là mở đường, vì là lối đi không cố định nên không có chiều rộng, chiều dài cụ thể, lúc ông N, ông T đi đường này, lúc lại đi đường khác. Mặt khác lúc đầu mua là mua rẫy không có đường đi

nên cả 03 không thống nhất mở đường chỉ là cho đi nhờ. năm 2003 ông K chuyển nhương cho ông Vi Văn M thì vẫn không tồn tại lối đi chung nào cả, ông K xác định chỉ cho ông Vi Văn N và ông Nông Văn T đi nhờ qua đất. Ông K cho rằng cả 03 nhà ông M, ông N, ông T nên ngồi lại thỏa thuận mở đường đi chung chung vĩnh viễn để các gia đình yên tâm làm ăn.

Người làm chứng bà Lâm Thị A trình bày: Năm 1997 bà vẫn thường thấy ông N, ông T và ông K có đi chung trên lối đi đang tranh chấp, lối đi cộ bò rộng khoảng 02 mét, đi từ đất nhà ông Vi Văn K đến đất của gia đình ông T. Đến khoảng cuối năm 2000 thì thấy ông N rào chắn lối đi và ông T có đi nhờ trên đất của gia đình bà. Hiện nay các bên tranh chấp thì bà không có ý kiến, yêu cầu gì, chỉ mong các bên thỏa thuận với nhau.

Người làm chứng ông Vi Văn M trình bày: Năm 2003 ông nhận chuyển nhượng đất của ông Vi Chung K, việc chuyển nhượng đã hoàn tất thủ tục, giấy CNQSDĐ đã sang tên cho ông. Thời điểm ông nhận chuyển nhượng thì chỉ có đường cộ bò rộng khoảng 02 mét, đi từ đất nhà ông đến đất của gia đình ông N. Việc trước đó có đường cộ bò đến đất của ông T hay không thì ông không biết. Chỉ biết là vào năm 2004 ông N có tới nới với tôi được tiếp tục đi nhờ trên đường cộ bò này và tôi đã đồng ý. Hiện nay các bên tranh chấp thì ông không có ý kiến, yêu cầu gì, chỉ mong các bên thỏa thuận với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định; Quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn nhiều lần có mặt tại buổi làm việc với Tòa án, nhưng đã từ chối ký các biên bản làm việc.

Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và diễn biến tại phiên tòa, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả lối đi chung đang tranh chấp, đối tượng của tranh chấp thuộc huyện C; Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện C, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp lối đi chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau được, vì vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tài liệu có trong hồ sơ thì những tình tiết của vụ án không cần phải chứng minh là: Thời điểm ông Nông Văn T, Vi Văn N và Vi Chung K cùng mua đất rẫy của ông Y Tiên Y (Không rõ địa chỉ cụ thể) là đầu năm 1997; giá tiền mỗi sào (1000 m^2) đất là 2.5000.000 đồng; ông K mua 03 sào, ông N mua 05 sào, ông T mua 3 sào; sau khi mua đất cả 3 đều sinh sống trên diện tích đất đã mua, không có tranh chấp về ranh giới; đều được sở địa chính tỉnh Đăk Lăk đo đạc giải thửa và UBND tỉnh Đăk Lăk cấp GCNQSDĐ vào năm 1998.

Về thực địa: Lối đi chung là có thật, vẫn đang tồn tại, thể hiện lối đi xuyên suốt từ đường chính (đường đất thôn B) đến phần tiếp giáp đất nhà ông T. Ở đoạn từ đường đất nhánh hai của thôn B qua phần đất tiếp giáp với nhà ông M thì không có tranh chấp, chỉ có đoạn giáp ranh giữa ông N và ông T thì ông N đã rào chắn lối đi bằng hàng rào lưới B40. Lối đi được thể hiện qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng thẩm định ngày 05/6/2020 lối đi có tứ cận cụ thể:

Cạnh Đông tiếp giáp với đất ông Vi Văn M rộng 2,4 mét.

Cạnh Tây giáp với đất ông Nông Văn T rộng 2,4 mét.

Cạnh nam giáp với đất ông Đàm Văn H dài 44 mét.

Cạnh bắc giáp với đất ông Vi Văn N dài 44 mét.

Tổng diện tích 105,6 m^2

Lối đi đã bị ông Nguyên rào chắn hàng rào lưới B40, phần rào chắn liền kề giữa đất ông N và ông T.

Xét lời khai của ông N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà S, chị K anh L cho rằng: lối đi đang tranh chấp là đất của gia đình ông N, ông T chỉ đi nhờ, còn gia đình ông vẫn đang đi nhờ trên đất của ông Vi Chung K (Nay là đát của ông Vi Văn M) chứ không có lối đi nào cả, năm 2000 gia đình ông N mở lối đi rộng khoảng 60 cm đi qua phía sau nhà ông N, ông T có đi trên lối đi này (tại phiên tòa ông N không xác định rõ diện tích, vị trí lối đi này), đến năm 2014 ông T không đi nữa. Tuy nhiên, ông N không chứng minh được sự việc thỏa thuận mở lối đi cho ông T. Ông T và những người làm chứng khác cũng không thừa nhận năm 2000 ông N mở lối đi cho ông T. Hiện trạng thực tế cũng không có lối đi như ông N đã trình bày.

Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) thấy rằng: Việc ông N cho rằng người ở phía trong phải mua đường đi của người ở phía trước là không có cơ sở, bởi lẽ: trong khoản 3 Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 1995 đã quy định rõ về quyền lối đi:

"Điều 280. Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề

1- ……..

2- Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thoả thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi, thì có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định.

3- Trong trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau, thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù."

Về giá trị pháp lý của lối đi chung đang tranh chấp: Vào năm 1997 Sở địa chính Đăk Lăk đo đạc bản đồ giải thửa, đến năm 1998 ông N, ông T được UBND tỉnh Đăk Lăk cấp giấy CNQSDĐ: Trong giấy CNQSDĐ cấp cho hộ ông N số M 806704, thửa 160, tờ bản đồ 16, diện tích 5040m^2 và CNQSDĐ cho hộ ông T số M 806007 thửa 159, tờ bản đồ 16, diện tích 3.260m^2 cũng như trên tờ bản đồ số 16 đều thể hiện có lối đi. Mặt khác, khi được nhà nước cấp CNQSDĐ cho mình, các ông Vi Văn N và Nông văn T đều không có ý kiến gì đối với các CNQSDĐ đã được cấp nên các CNQSDĐ đều hợp pháp, đúng theo trình tự thủ tục quy định của luật đất đai tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993 quy định:

"Điiều 73: Người sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

2. ....."

Ông N không thừa nhận có lối đi, tuy nhiên với việc được nhà nước cấp GCNQSDĐ với diện tích 5040 m2 (thời điểm ông mua chỉ 5 sào, tương đương với 5.000 m2) ông không có ý kiến về diện tích cấp tăng thêm và đồng thời sử dụng quyền sử dụng đất được nhà nước cấp để đi vay vốn Ngân hàng có thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số M 806704, thửa 160, tờ bản đồ 16. So sánh, đối chiếu và đo đạc diện tích đất trong giấy CNQSDĐ và diện tích đất ông N đang sử dụng, và diện tích lối đi chung đang tranh chấp: đất của ông N sử dụng là phù hợp, không bị thiếu. Như vậy, phần diện tích lối đi đang tranh chấp nằm ngoài diện tích đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ cho ông N và phù hợp với diện tích lối đi đã được thể hiện trên tờ bản đồ số 16.

Sự việc năm 2000 ông N thấy ông T không đi trên lối đi nữa nên ông N rào chắn lối đi. Nay bà A không cho ông T đi nữa và hiện tại ông T không có lối đi nào khác nên ông T khởi kiện yêu cầu ông N trả lối đi chung là có căn cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là: 105,6 m^2 so với yêu cầu khởi kiện khoảng 100 m^2 của nguyên đơn: HĐXX xét thấy: đối với diện tích tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã Đ đã hòa giải ở vị trí hòa giải là đường đi chung theo tờ bản đồ

giải thửa, đúng quy định của Luật đất đai; nguyên đơn đã chỉ đúng tứ cận của lối đi nên phần diện tích này cần đúng vị trí và thuộc lối đi nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Vi Văn N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tháo dỡ các cây trồng, công trình xây dựng, trả lại lối đi chung đang tranh chấp đến rẫy của ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Đương sự chỉ tranh chấp về lối đi và quyền sử dụng đất, mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông.

[4]. Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) là 3.758.000 đồng, do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.758.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 227,Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 36; khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T.

1. Buộc ông Vi Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ các công trình xây dựng, cây trồng trên lối đi chung đang tranh chấp và trả lại lối đi có tứ cận cụ thể:

Cạnh Đông tiếp giáp với đất ông Vi Văn M rộng 2,4 mét.

Cạnh Tây giáp với đất ông Nông Văn T rộng 2,4 mét.

Cạnh Nam giáp với đất ông Đàm Văn H dài 44 mét.

Cạnh Bắc giáp với đất ông Vi Văn N dài 44 mét.

Tổng diện tích 105,6 m^2

Lối đi tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

2. Về án phí: Buộc ông Vi Văn N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả ông Nông Văn T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000555 ngày 14/12/2019 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000665 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) là 3.758.000 đồng. Buộc ông Vi Văn N trả cho ông Nông Văn T số tiền 3.758.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Vi Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Nông Văn T có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

LỘC THỊ VINH